

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2026/DS-ST
Ngày: 08-6-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền.

2. Ông Bùi Quý Khiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2026/QĐST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số A, Đặng Văn B, khóm D, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông **Trang Phương E**, sinh năm 1972;

Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H, ông Phương E, bà N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Do quen biết nên bà H có cho ông Phương E và bà N vay nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 23/12/2021, ông Phương E và bà N vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng, mục đích để làm ăn, lãi suất thoả thuận miệng là 02%/tháng, thời hạn vay là 20 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 13/01/2022). Hai bên có làm biên nhận nợ cùng ngày.

- Ngày 02/3/2022, ông Phương E và bà N vay thêm của bà H số tiền 700.000.000 đồng, mục đích vay làm ăn, lãi suất thoả thuận miệng là 02%/tháng, thời hạn vay 30 ngày (từ ngày 02/3/2022 đến ngày 02/4/2022). Hai bên có làm biên nhận cùng ngày.

- Ngày 06/5/2022, ông Phương E có vay thêm của bà H số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn, lãi suất thoả thuận miệng là 02%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 06/5/2022 đến ngày 06/8/2022). Hai bên có làm biên nhận cùng ngày.

- Ngày 23/9/2022, ông Phương E và bà N vay thêm của bà H số tiền 785.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn, lãi suất thoả thuận miệng là 02%/tháng, thời hạn vay là 15 ngày (từ ngày 23/9/2022 đến ngày 05/10/2022). Hai bên có làm biên nhận cùng ngày.

Tổng cộng ông Phương E và bà N đã vay của bà H là 1.885.000.000 đồng. Đến nay đã hết thời hạn vay nhưng ông Phương E và bà H không thực hiện trả vốn và lãi cho bà H như thoả thuận.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trang Phương E và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vốn vay tổng cộng là 1.885.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 23/9/2022 đến ngày 23/8/2025 là 35 tháng với số tiền là 547.592.500 đồng (Năm trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án.

Bà H cam kết chữ ký và chữ viết họ tên “Trang Phương E”, “Nguyễn Thị N” trong các biên nhận ngày 23/12/2021, 02/03/2022, 06/5/2022, 23/9/2022 là do ông Phương E và bà N ký, viết họ tên. Bà H cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời trình bày của mình.

Tại phiên toà, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu các bị đơn trả số tiền vốn 1.885.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 23/9/2022 đến ngày xét xử.

Đối với chứng từ giao dịch do bị đơn cung cấp, bà H thừa nhận số tài khoản nhận trong chứng từ trên là của bà, còn số tiền chuyển khoản là để trả cho khoản nợ đáo hạn khác, nhưng tại phiên toà bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bà H thừa nhận làm nghề bán nhàn và các giao dịch mua bán không có số tiền lớn như các chứng từ giao dịch mà bị đơn cung cấp.

** Bị đơn ông Trang Phương E và bà Nguyễn Thị N có văn bản trình bày ý kiến:*

Ngày 23/12/2021, ông Phương E và bà N có vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000/triệu/ngày, ông Phương E và bà N có đăng lãi theo mức lãi suất trên cho bà H, không phải mức lãi suất 02% như bà H trình bày.

Ngày 02/3/2022, ông Phương E vay thêm số tiền 400.000.000 đồng, bà H gom lại viết biên nhận nợ cùng ngày với số tiền là 700.000.000 đồng, lãi suất 3.000/triệu/ngày, nhưng bà H không trả biên nhận cũ. Thực tế số tiền ông Phương E nhận ngày 02/3/2022, là 400.000.000 đồng.

Ngày 06/5/2022, ông Phương E chuyển khoản trả bà H 03 lần, gồm 600.000.000 đồng nợ gốc và 27.600.000 đồng nợ lãi. Còn nợ lại số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Bà H viết lại biên nhận nợ ghi ông Phương E nợ bà H số tiền 100.000.000 đồng cùng ngày 06/5/2022.

Đến ngày 23/9/2022, ông Phương E vay thêm bà H thì bà H yêu cầu thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho vay tiếp. Ông Phương E đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 603, tờ bản đồ số 4 cho bà H làm tin. Hai bên lập giấy vay tiền mới với số tiền là 785.000.000 đồng, trong đó bà H cộng dồn số tiền 100.000.000 đồng của biên nhận ngày 06/5/2022, lãi suất 06%/tháng, bà H không trả lại biên nhận cũ nhưng bà H hứa miệng sẽ xé bỏ những biên nhận cũ.

Ông Trang Phương E và bà Nguyễn Thị N xác định chỉ còn nợ bà H số tiền là 785.000.000 đồng theo biên nhận ngày 23/9/2022.

Tại phiên tòa, ông Phương E và bà N thừa nhận có vay tiền các lần như bà H trình bày nhưng đã trả xong biên nhận ngày 23/12/2021, 02/3/2022 và ngày 06/5/2022 nhưng chưa thu hồi biên nhận, chỉ còn nợ số tiền 785.000.000 đồng của biên nhận ngày 23/9/2022.

Ngày 06/5/2022, ông Phương E có chuyển khoản trả tiền theo các chứng từ giao dịch ngày 06/5/2022 cho bà H với số tiền vốn là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 27.600.000 đồng.

Ông Phương E và bà N đồng ý trả số tiền vốn vay còn lại là 785.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 23/9/2022 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay và lãi còn nợ, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ khoản 3 Điều

26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với số tiền vốn vay:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay là 1.885.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu đồng) theo Biên nhận ngày 23/12/2021 là 300.000.000 đồng; Biên nhận ngày 02/3/2022 là 700.000.000 đồng; Biên nhận ngày 06/5/2022 là 100.000.000 đồng; Biên nhận ngày 23/9/2022 là 785.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp bản chính 04 biên nhận ngày 23/12/2021, ngày 02/3/2022, ngày 06/5/2022, ngày 23/9/2022. Các biên nhận có chữ ký của ông Phương E và bà N, đồng thời ông Phương E và bà N không phản đối với những chữ ký trong các biên nhận này.

Đối với ông Phương E và bà N cho rằng ngày 23/12/2021 có vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng, sau đó đến ngày 03/2/2022 vay thêm số tiền 400.000.000 đồng và viết thành biên nhận với số tiền 700.000.000 đồng. Đến ngày 06/5/2022, ông Phương E và bà N có trả số tiền vốn là 600.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng nên bà H viết lại thành biên nhận với số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 23/9/2022, ông Phương E và bà N vay tiếp số tiền 685.000.000 đồng và cộng với biên nhận 100.000.000 đồng thành biên nhận với số tiền 785.000.000 đồng. Ông Phương E và bà N cho rằng có yêu cầu bà H trả lại các biên nhận cũ nhưng bà H hứa miệng sẽ xé bỏ, ông Phương E và bà N chỉ trình bày bằng lời nói, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Đối với lời trình bày của ông Phương E và bà N về việc có chuyển khoản trả tiền vốn cho bà H là 600.000.000 đồng theo 02 chứng từ giao dịch cùng ngày 06/5/2022. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bà H thừa nhận số tài khoản nhận của các giao dịch chuyển tiền ngày 06/5/2022 là của bà tại hàng A, số tài khoản 161283579. Nhưng bà H cho rằng số tiền trên là ông Phương E và bà N trả cho số tiền vay đáo hạn ngân hàng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Từ đó căn trừ số tiền mà ông Phương E, bà N đã trả cho bà H như sau:

- Số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 23/12/2021 đến ngày 06/5/2022, lãi suất 0,83%/tháng là 11.039.000 đồng.

- Số tiền vốn vay 700.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02/3/2022 đến ngày 06/5/2022, lãi suất 0,83%/tháng là 12.395.000 đồng.

- Căn trừ số tiền ông Phương E chuyển khoản 627.600.000 đồng vào số tiền lãi 11.039.000 đồng và 12.395.000 đồng, còn lại số tiền 604.166.000 đồng.

Trừ tiếp số tiền 604.166.000 đồng vào số tiền vốn còn nợ của biên nhận ngày 23/12/2021 và ngày 02/3/2022 là 1.000.000.000 đồng. Như vậy số tiền vốn mà ông Phương E và bà N còn nợ của biên nhận ngày 23/12/2021 và ngày 02/3/2022 là 395.834.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Đối với Biên nhận ngày 06/5/2022 với số tiền 100.000.000 đồng, bị đơn không có căn cứ chứng minh đã trả xong nên không có cơ sở xem xét. Biên nhận ngày 23/9/2022 với số tiền 785.000.000 đồng, các bị đơn thừa nhận còn nợ nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền vốn vay 1.885.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu đồng) là có một phần căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn Trang Phương E và Nguyễn Thị N trả cho bà H số tiền vốn vay tổng cộng là 1.280.834.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 23/9/2022 đến ngày 23/8/2022 là phù hợp quy định.

Các bị đơn cho rằng nguyên đơn tính lãi trong thời gian vay là 3.000 đồng/triệu/ngày và 06%/tháng và đã đóng lãi cho nguyên đơn. Tuy nhiên, các bị đơn chỉ trình bày bằng lời nói, không có chứng cứ chứng minh.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn trả lãi trên số tiền 1.280.834.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 23/9/2022 đến ngày xét xử 08/6/2026 (32 tháng 14 ngày) là 345.149.800 đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm đồng).

[3] Đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận có giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trang Phương E đứng tên để làm tin khi vay tiền. Bà H đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 603, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) cho ông Trang Phương E nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H nên ông Trang Phương E và bà Nguyễn Thị N phải chịu 60.780.000 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Do bà H có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trang Phương E nên bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là

40.326.000 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006780 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Bà H được nhận lại số tiền chênh lệch là 40.026.000 đồng (Bốn mươi triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 91, Điều 96, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Trang Phương E và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn vay là 1.280.834.000 đồng và tiền lãi là 345.149.800 đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

2. Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả lại cho ông Trang Phương E bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 697639 cấp ngày 04/11/2020, thửa 603, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) do ông Trang Phương E đứng tên.

3. Về án phí:

Ông Trang Phương E và bà Nguyễn Thị N phải chịu 60.780.000 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.326.000 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006780 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Bà H được nhận lại số tiền chênh lệch là 40.026.000 đồng (Bốn mươi triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- THADS Tỉnh;
- VKSND Khu vực 10;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, (Th).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Quốc Thái